

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **30/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 19/7/2017

V/v: Hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXX- ST ngày 16 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị D, sinh năm 1993 (có mặt).
HKTT: thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh B.
Nơi ở hiện tại: xóm G, thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh B.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991 (có mặt).
Địa chỉ: thôn Vân Cẩm, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 24/4/2017, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị H Thị D) trình bày: chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn có được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 29/4/2011. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh H làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh H thường xuyên uống rượu say và về đánh chửi chị, vợ chồng hay cãi nhau cho nên đến tháng 3 năm 2012 chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Đến cuối năm 2012 do gia đình hai bên động viên và anh H có gọi điện thoại xin lỗi chị nên chị đã về đoàn tụ với anh H. Tết nguyên đán năm 2013 chị lại về nhà mẹ đẻ ở xã Đ để đi làm công ty, anh H vào trong Tây Nguyên làm ăn đến cuối năm 2013 thì về, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Thời gian chị mang thai và sinh con thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra

xích mích, chị có về nhà mẹ đẻ ở nhưng sau đó do anh H động viên chị lại về ở cùng anh ở V, xã Đ. Nhưng đến tháng 01 năm 2017 do anh H không trông con cho chị đi làm, chị lại mang con gửi mẹ đẻ nhờ trông hộ, anh H đi uống rượu say về sau đó đã đánh chửi, đe dọa hai mẹ con chị và mang con về không cho ở cùng chị. Chị và anh H đã sống ly thân từ ngày 21/01/2017 âm lịch cho đến nay, hai bên không còn quan hệ tình cảm, liên lạc gì với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Bị đơn (anh Nguyễn Văn H) trình bày: anh và chị D kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị D về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình được khoảng hai tháng thì về nhà mẹ đẻ ở Đoan Bái để tiện cho việc đi làm công ty, mặc dù anh cũng không đồng ý nhưng thỉnh thoảng anh vẫn lên thăm chị D và tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Anh và chị D sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau còn việc chị D nói anh uống rượu say về và đánh đập hai mẹ con chị D là không đúng. Anh và chị D đã sống ly thân từ ngày 21/01/2017 (âm lịch) đến nay và đã cắt đứt quan hệ vợ chồng nhưng thỉnh thoảng anh vẫn gọi điện cho chị và bảo chị về thăm con. Quá trình giải quyết anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị D cho nên chị D xin ly hôn anh không đồng ý, anh xin về đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái. Tại phiên tòa anh xác định đã cho chị D cơ hội để thay đổi nhưng chị D không hề thay đổi gì, không quan tâm đến anh và con, vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Chị D và anh H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 28/6/2015 hiện đang ở với anh H, cháu bé vẫn phát triển bình thường. Ly hôn, chị D và anh H đều đề nghị được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị D và anh H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2017 của chị D đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị D thấy rằng: qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: vợ chồng chị D, anh H từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và sớm phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh H hay uống rượu say và có đánh chửi, đe dọa chị và mẹ đẻ chị D, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, còn anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng do vậy, ngày 21/01/2017 (âm lịch) chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị D có đơn xin ly hôn, quá trình thụ lý giải quyết, tại Tòa án và phiên tòa anh H không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin về đoàn tụ nhưng anh cũng xác định không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng nếu về đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương cũng xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh H đã trở nên trầm trọng, vợ chồng khó có thể đoàn tụ được và đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh H đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị D được ly hôn anh H là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị D cần được chấp nhận. Tại phiên tòa anh H đồng ý ly hôn với chị D, xét là tự nguyện và phù hợp với tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, vì vậy cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị D và anh H.

[3]. *Về con chung*: Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng: chị D và anh H đều xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đức T sinh ngày 28/6/2015 hiện đang ở với anh H và phát triển bình thường. Ly hôn, chị D và anh H đều đề nghị được nuôi con. Xét thấy mặc dù cháu T đang ở với anh H nhưng cháu T hiện vẫn còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Anh H đi làm nghề mộc thu nhập không ổn định, hơn nữa anh H chỉ ở một mình không có thời gian chăm sóc con bằng chị D. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ, cần giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Cho nên yêu cầu nuôi con của chị D cần được chấp nhận. Anh H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Xét việc chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con thấy rằng chị D hiện có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật, vì vậy không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[5]. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: chị D và anh H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[6]. *Về án phí*: chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị D và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao chị H Thị D trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 28/6/2015. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hà Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001614 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị D và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao chị Hà Thị D trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 28/6/2015. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hà Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001614 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSNDHiệp Hoà
- THADS Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn